| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **23**/2023/KDTM-PT
Ngày 16/02/2023
V/v *"Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng xây dựng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 16/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 159/2022/TLPT-KDTM ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2022/KDTM-ST ngày 6-8/9/2022 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 606/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 656/2022/QĐ-PT ngày 26/12/2022; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 47/2023/TB-TA ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn: Công ty A***

Địa chỉ: đường KDT, phường TXB, quận TX, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông T1– Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

-Ông T2 - Phó Tổng giám đốc; có mặt

-Ông H1. Địa chỉ: phố HĐT, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội; có mặt

***-Bị đơn: Công ty B***

Địa chỉ: đường PH, phường MT, quận NTL, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông H2 – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông D1 – Phó phòng pháp chế; Bà H3 – Chuyên viên pháp chế; ông D1 có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 24/9/2015 Công ty A và Công ty B đã ký kết và thực hiện Hợp đồng xây dựng số 43/2015 và các phụ lục kèm theo về việc thi công xây dựng phần ngầm công trình Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại kết hợp nhà ở cao tầng tại khu đô thị mới PV-TH tại phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là "Hợp đồng"). Theo đó, chúng tôi là Bên nhận thầu thi công công trình, Công ty B là Bên giao thầu.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty A đã hoàn thành nghĩa vụ thi công và ký nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình vào ngày 15/5/2016, đến ngày 25/10/2021 hai bên đã ký Hồ sơ quyết toán công trình với giá trị là: 21.683.119.244 đồng (hai mươi mốt tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười chín nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng). Công ty A cũng đã hoàn thành việc xuất hóa đơn tài chính đối với tổng giá trị quyết toán nêu trên cho Công ty B.

Sau rất nhiều lần Công ty A yêu cầu Công ty B nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, đến ngày 23/3/2022 Công ty B mới chỉ thanh toán cho Công ty A tổng giá trị là: 20.840.893.200 đồng và đến nay Công ty B vẫn tiếp tục cố tình trì hoãn, không thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc còn lại là: 842.226.044 đồng (Tám trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng). Việc này khiến cho quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A bị xâm phạm nghiêm trọng.

Khoản 20.1 Điều 20 Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng của Hợp đồng xây dựng số 43/2015 quy định:

"Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng mà Nhà thầu có tài khoản theo quy định tại Hợp đồng này công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến

khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.". Theo đó, Công ty A tạm tính mức lãi suất theo lãi vay quá hạn của Ngân hàng X tính đến ngày 01/6/2022, Công ty B còn phải trả cho Công ty A số tiền bồi thường do chậm thanh toán (mức lãi suất 12,75%/năm) với số tiền là: 75.450.752 đồng (bảy mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).

Vì vậy, nay căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty A đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/6/2022 là: 917.676.796 đồng (chín trăm mười bảy triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền nợ gốc: 842.226.044 đồng;

- Tiền bồi thường do chậm thanh toán, tạm tính đến ngày 01/6/2022 là: 75.450.752 đồng.

***Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:***

Tòa án nhân dân quận NTL đã thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty A và tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty B. Công ty B đã uỷ quyền cho ông D1 và/hoặc bà H3 tham gia tố tụng. Tuy nhiên, đại diện Công ty B vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và chưa nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A cho Toà án.

***Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 28/07/2022*** Công ty B vắng mặt.

***Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 11/8/2022*** đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên toà và cho rằng vụ án được giải quyết rất nhanh, hồ sơ liên quan đến hợp đồng tranh chấp thì bị đơn chưa tìm thấy, đề nghị cho bị đơn 2 tuần để tìm lại hồ sơ, đối chiếu bản gốc, xác minh chữ ký của người uỷ quyền ký hợp đồng trước đó và bị đơn đưa ra phương án thoả thuận với nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn xuất trình bản gốc các tài liệu, chứng cứ tại phiên toà, nếu chỉ cung cấp bản sao như đã nộp cho Toà án thì yêu cầu có mặt người ký công chứng đến phiên toà chứng minh tài liệu đã nộp cho Toà án là đúng với bản gốc. Đối với Hợp đồng xây dựng số 43/2015 và các phụ lục kèm theo, Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán (điều chỉnh) ngày 25/10/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án: Bị đơn cần thời gian để tìm hồ sơ gốc để đối chiếu, xác minh chữ ký của cán bộ ký kết các văn bản này, tuy nhiên bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký và dấu trong các văn bản.

***Tại phiên toà lần thứ ba ngày 06/09/2022:***

- *Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:*

Giữ nguyên ý kiến theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đề nghị Tòa án buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 06/09/2022 là 946.214.414 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là: 842.226.044 đồng; Tiền bồi thường do chậm thanh toán là: 103.988.370 đồng; Yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 7/9/2022 cho đến khi Công ty B thanh toán xong cho Công ty A theo mức lãi suất quá hạn là 12,75%/năm.

*- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:*

Biên bản đối chiếu công nợ phải trả 331 (BL 48): Ngày 30/6/2021 giữa Công ty B (người đại diện ký là ông T3 – Tổng Giám đốc) và Công ty A (người đại diện ký là ông T1– Tổng Giám đốc) thể hiện số tiền Công ty B còn phải trả là 2.876.588.622 đồng. Đại diện bị đơn không công nhận con số dư nợ tại Biên bản đối chiếu công nợ do người đại diện theo pháp luật lúc bấy giờ là ông T3 ký, do đó chỉ là Biên bản đối chiếu công nợ chung chung. Bị đơn cho rằng ông S1 ký Hồ sơ quyết toán với Công ty A vượt quá thẩm quyền theo Giấy uỷ quyền số 02 ngày 01/5/2021 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 143 Bộ luật dân sự 2015: "Trường hợp giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện thì người đại diện phải thực hiện nghĩa vụ đối với người đã giao dịch với mình về phần giao dịch vượt quá phạm vi đại diện, trừ trường hợp người đã giao dịch biết hoặc phải biết về việc vượt quá phạm vi đại diện mà vẫn giao dịch.".

Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định tổng số nợ gốc Công ty B phải thanh toán là 20 tỷ đồng và đã thanh toán xong. Do đó đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu về nợ gốc của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng thoả thuận về lãi suất giữa Công ty A và Công ty B không rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ theo Luật thương mại thì nếu không có thoả thuận hoặc thoả thuận không rõ ràng thì áp dụng mức lãi suất tối đa 50% pháp luật quy định khi lấy mức trung bình các ngân hàng.

Về tiến độ thanh toán thì Công ty B chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do các bên chưa có biên bản thanh lý nên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán.

*-Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:*

Đối với Giấy uỷ quyền số 02 ngày 01/5/2021 mà đại diện theo ủy quyền của bị đơn xuất trình tại phiên toà ngày 06/9/2022 (BL 316-320), đại diện theo

uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng: Tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ loanh quanh không thừa nhận nợ vì vị trí uỷ quyền của ông S1. Tuy nhiên ông S1 ký đại diện cho Công ty chứ không phải ký với tư cách cá nhân. Nguyên đơn đã xuất hoá đơn và gửi cho bị đơn nên không có chuyện bị đơn không biết. Còn quy chế nội bộ của bị đơn thì nguyên đơn không thể biết được. Do đó nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2022/KDTM-ST ngày 6-8/9/2022 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội đã xử:*

*Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Điều 274, 275, 351, 353, 357, 358, 360, 363 Bộ luật dân sự;*

*- Điều 146 Luật xây dựng;*

*- Điều 19, Điều 20, Điều 42 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Xử:*

*1. Chấp nhận Đơn khởi kiện của Công ty A.*

*- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền tính đến ngày xét xử (Ngày 06/09/2022) là: 946.214.414 đồng chín trăn bốn sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn, bốn trăm mười bốn đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là: 842.226.043 đồng; Tiền bồi thường do chậm thanh toán là: 103.088.370 đồng.*

*- Tiếp tục tính lãi đối với số nợ gốc chưa trả kể từ ngày 07/09/2022 cho đến khi Công ty B thanh toán xong nợ cho Công ty A theo mức lãi suất là 12,75%/năm.*

*-Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*2. Về án phí và quyền kháng cáo: Công ty B phải chịu số tiền 40.386.432 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.*

*- Hoàn trả Công ty A số tiền 19.765.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0034394 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NTL.*

*- Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn Công ty A, Bị đơn Công ty B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.*

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử, giải quyết theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn do cán bộ ký không được ủy quyền và công ty không tìm được hồ sơ gốc.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty B được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty A với Công ty B phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty B có địa chỉ tại đường PH, phường MT, quận NTL, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty A và Công ty B ký hợp đồng xây dựng số 43/2015 ngày 24/9/2015 và các phụ lục kèm theo về việc thi công xây dựng phần ngầm công trình Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại kết hợp nhà ở cao tầng tại khu đô thị mới PV-TH tại phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Công ty A đã hoàn thành nghĩa vụ thi công. Ngày 15/5/2016 hai bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hàng mục công trình. Ngày 25/10/2021 hai bên đã ký Hồ sơ quyết toán công trình với tổng giá trị là 21.683.119.244 đồng. Công ty A đã xuất hóa đơn tài chính với tổng giá trị quyết toán nêu trên cho Công ty B.

Tính đến ngày 23/3/2022 Công ty B đã thanh toán cho Công ty A tổng số tiền 20.840.893.200 đồng, nên còn nợ lại 842.226.044 đồng. Công ty A buộc Công ty B phải thanh toán số tiền nợ gốc 842.226.044 đồng là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 20.1 Điều 20 của hợp đồng xây dựng số 43/2015 về thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng, hai bên đã thỏa thuận: "Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng mà Nhà thầu có tài khoản theo quy định tại Hợp đồng này công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu". Do đó, án sơ thẩm buộc Công ty B phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty A với mức lãi suất 12,75%/năm tính từ ngày 25/11/2021 đến ngày 22/3/2022 đối với số tiền 1.342.226.044 đồng và tính từ ngày 23/3/2022 đến ngày 06/9/2022 đối với số tiền 842.226.044 đồng, nên tổng số tiền lãi chậm thanh toán 103.988.370 đồng là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

***Từ những nhận định trên.***

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 274; Điều 275; Điều 351; Điều 353; Điều 357; Điều 358; Điều 360; Điều 363 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 146 Luật xây dựng;

Áp dụng Điều 19; Điều 20; Điều 42 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty B

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2022/KDTM-ST ngày 6-8/9/2022 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội:

**1.** Chấp nhận Đơn khởi kiện của Công ty A.

- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền tính đến ngày xét xử (06/09/2022) là: 946.214.414 đồng. Trong đó: Số tiền nợ gốc là: 842.226.044 đồng; Tiền bồi thường do chậm thanh toán là: 103.988.370 đồng.

- Tiếp tục tính lãi đối với số nợ gốc chưa trả kể từ ngày 07/09/2022 cho đến khi Công ty B thanh toán xong nợ cho Công ty A theo mức lãi suất là 12,75%/năm.

**2.** Về án phí sơ thẩm:

- Công ty B phải chịu số tiền 40.386.432 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty A số tiền 19.765.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai số 0034394 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NTL, thành phố Hà Nội.

**3.** Về án phí phúc thẩm:

Công ty B phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0034657 ngày 29/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NTL, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận NTL, tp Hà Nội;
- TAND quận NTL, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thái Sơn**